

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2575/QĐ-TCHQ

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH QUY TRÌNH GIÁM SÁT HẢI QUAN TẠI KHU VỰC CẢNG BIỂN

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/06/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14/06/2005;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 107/2002/NĐ-CP ngày 23/12/2002 của Chính phủ quy định phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; quan hệ phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và các hành vi khác vi phạm pháp luật hải quan;

Căn cứ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg ngày 15/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

Căn cứ Thông tư số 128/2014/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BTC ngày 14/02/2014 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

Thực hiện công văn số 11943/BTC-TCHQ ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung liên quan đến công tác giám sát hải quan tại khu vực cảng biển;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về Hải quan,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình giám sát hải quan tại khu vực cảng biển, bao gồm cả cửa khẩu đường sông quốc tế Vĩnh Xương (thuộc Cục Hải quan tỉnh An Giang) và Thường Phước (thuộc Cục Hải quan tỉnh Đồng Tháp).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 09 năm 2014 và thay thế:

1. Quy định về giám sát hải quan tại khu vực cửa khẩu cảng biển ban hành kèm theo Quyết định số 2408/QĐ-TCHQ ngày 04/11/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

2. Bước 5, điểm I, Mục 2, Phần I Quy trình thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại ban hành kèm Quyết định số 988/QĐ-TCHQ ngày 28/3/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

Điều 3. Quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- + Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- + Vụ PC, Vụ CST (để phối hợp);
- Lưu: VT, GSQL (03b).

Vũ Ngọc Anh

QUY TRÌNH

GIÁM SÁT HẢI QUAN TẠI KHU VỰC CẢNG BIỂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2575/QĐ-TCHQ ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

Phần 1.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Đối tượng giám sát hải quan tại khu vực cảng biển là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, chuyển cảng (gọi tắt là hàng hóa XNK); phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng (gọi tắt là tàu XNC) và phương tiện chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đưa vào, đưa ra, lưu giữ trong khu vực cảng.

2. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, chuyển cảng; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng phải chịu sự giám sát hải quan, vận chuyển đúng tuyến đường, đúng thời gian, qua cửa khẩu theo đúng quy định của pháp luật;

Việc xác định hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, chuyển cảng; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng trọng điểm để áp dụng biện pháp giám sát hải quan được thực hiện trên cơ sở phân tích thông tin, đánh giá việc chấp hành pháp luật của chủ hàng, mức độ rủi ro về vi phạm pháp luật hải quan để đảm bảo quản lý nhà nước về hải quan và không gây khó khăn cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh.

3. Phương thức giám sát

3.1. Niêm phong hải quan;

3.2. Giám sát trực tiếp của công chức hải quan (chỉ thực hiện trong trường hợp cần thiết);

3.3. Giám sát bằng phương tiện kỹ thuật, gồm:

3.3.1. Giám sát bằng camera;

3.3.2. Giám sát thông qua kiểm tra thông tin trên hệ thống công nghệ thông tin;

3.3.3. Giám sát bằng phương tiện kỹ thuật khác.

Điều 2. Mục đích giám sát.

1. Đảm bảo hàng hóa xuất khẩu chỉ được xuất khẩu khi đã được cơ quan hải quan thông quan; hàng hóa nhập khẩu chỉ được đưa ra khỏi địa bàn giám sát hải quan tại khu vực cảng biển sau khi đã được cơ quan hải quan chấp nhận thông quan, giải phóng hàng, đưa hàng về bảo quản,

chuyển về các địa điểm kiểm tra trong nội địa, cho phép vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan;

2. Theo dõi hàng hóa XNK theo các loại hình được đưa vào, đưa ra địa bàn giám sát; phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật hải quan đối với hàng hóa XNK; phương tiện vận tải XNC đang chịu sự giám sát hải quan.

Điều 3. Nhiệm vụ giám sát.

1. Thực hiện tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu, xác nhận trên hồ sơ và trên hệ thống đối với hàng XNK đưa vào, đưa ra khu vực cảng;

2. Kiểm tra, đối chiếu thực tế về tình trạng bên ngoài của lô hàng nhập khẩu đưa ra khu vực cảng với danh sách hàng hóa nhập khẩu đã được xác nhận trên hệ thống;

3. Tuần tra các khu vực thuộc địa bàn giám sát; Xử lý các tình huống cụ thể tại hiện trường trong địa bàn giám sát;

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan đến công tác giám sát hải quan.

Việc bố trí lực lượng làm nhiệm vụ giám sát hải quan theo quy định này (Đội/Tổ/Bộ phận...) do Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố xem xét quyết định cụ thể phù hợp với địa bàn, điều kiện và nhiệm vụ của từng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng biển.

Điều 4. Trao đổi thông tin.

Việc trao đổi thông tin giữa cơ quan Hải quan tại cửa khẩu cảng biển với Cảng vụ, các Đại lý hãng tàu, Doanh nghiệp kinh doanh cảng về công tác giám sát hàng hóa XNK, phương tiện vận tải XNC; giữa Hải quan cửa khẩu cảng và Hải quan ngoài cửa khẩu về hàng hóa XNK... được thực hiện trên cơ sở quy chế phối hợp giữa các bên có liên quan và các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan.

Điều 5. Giám sát bằng camera và kiểm tra thông tin trên hệ thống công nghệ thông tin.

1. Tại những Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng biển đã được trang bị hệ thống camera giám sát, công tác giám sát hải quan thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1570/QĐ-TCHQ ngày 17/5/2013 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quy định về việc giám sát hải quan bằng hệ thống camera tại khu vực cửa khẩu cảng biển.

2. Đối với những Chi cục Hải quan đã ký Quy chế phối hợp với Cảng vụ, Doanh nghiệp kinh doanh cảng... để cùng khai thác phần mềm công nghệ thông tin phục vụ công tác giám sát hải quan, giao Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố xây dựng văn bản quy định riêng, báo cáo Tổng cục Hải quan phê duyệt. Văn bản xây dựng phải đảm bảo yêu cầu quản lý của cơ quan Hải quan, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, xuất nhập cảnh phương tiện vận tải tại khu vực cảng.

Điều 6. Tổng hợp lượng hàng hóa XNK đưa vào, đưa ra và lưu giữ trong địa bàn giám sát.

Định kỳ theo ngày/tuần/tháng hoặc khi có yêu cầu đột xuất, công chức giám sát chịu trách nhiệm:

1. Tổng hợp lượng hàng hóa XNK qua cảng theo từng mã loại hình trên Hệ thống; Đối với hàng hóa XNK không làm thủ tục hải quan qua hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS, việc tổng hợp, thống kê hàng hóa XNK thực hiện theo Quy định về giám sát hải quan tại khu vực cửa khẩu cảng biển ban hành kèm theo Quyết định số 2408/QĐ-TCHQ ngày 04/11/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

2. Phối hợp với Doanh nghiệp kinh doanh cảng tổng hợp lượng hàng hóa XNK đang lưu giữ (nếu có), thời gian lưu giữ tại khu vực cảng theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan;

3. Tổng hợp tình hình chấp hành các quy định về giám sát hải quan và các quy định khác có liên quan (các trường hợp vi phạm phải lập biên bản xử lý);

4. Tổng hợp, đề xuất, kiến nghị những khó khăn, vướng mắc trong công tác giám sát hải quan tại khu vực cửa khẩu cảng biển và các việc khác có liên quan.

Phần 2.

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

MỤC I. GIÁM SÁT HÀNG HÓA XUẤT KHẨU ĐƯA VÀO KHU VỰC CẢNG

Điều 7. Hàng hóa xuất khẩu đưa vào khu vực cảng.

Hàng hóa xuất khẩu đưa vào khu vực cảng gồm hàng hóa xuất khẩu đã làm thủ tục hải quan, hàng hóa đưa vào để làm thủ tục hải quan.

Điều 8. Trình tự thủ tục giám sát.

Về nguyên tắc, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng biển chỉ xác nhận hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan trên Hệ thống sau khi hàng hóa đã làm xong thủ tục hải quan và được đưa vào khu vực giám sát hải quan.

1. Đối với lô hàng đưa vào khu vực tập kết trong khu vực cảng chờ xuất khẩu:

1.1. Tại cổng cảng:

Không thực hiện giám sát trực tiếp của công chức Hải quan. Trường hợp Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng biển đã được trang bị hệ thống giám sát bằng camera thì thực hiện giám sát theo hướng dẫn tại Quyết định số 1570/QĐ-TCHQ ngày 17/5/2013 của Tổng cục trưởng Tổng cục

Hải quan quy định về việc giám sát hải quan bằng hệ thống camera tại khu vực cửa khẩu cảng biển.

1.2. Thủ tục kiểm tra, xác nhận:

1.2.1. Lô hàng làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan cửa khẩu:

1.2.1.1. Công chức hải quan tiếp nhận hồ sơ gồm:

- Tờ khai hải quan;
- Phiếu giao nhận container/Phiếu giao nhận hàng hóa/Phiếu hạ bãi (sau đây gọi tắt là Phiếu).

- Danh sách container hàng hóa xuất khẩu có xác nhận của người khai hải quan trong trường hợp tại thời điểm khai báo người khai không có số container hoặc không khai báo bổ sung được số container trên hệ thống; hoặc trường hợp thay đổi số container đã khai báo trên tờ khai hải quan.

1.2.1.2. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra số, ngày, tháng, năm tờ khai hải quan; hiệu lực của tờ khai trên hệ thống. Nếu trên hệ thống không có tờ khai, hoặc tờ khai chưa được hoàn thành thủ tục hải quan thì từ chối xác nhận hồ sơ. Nếu tờ khai có trên hệ thống và đã được hoàn thành thủ tục hải quan thì thực hiện tiếp tiết b) dưới đây.

b) Kiểm tra thông tin về số lượng container, số hiệu container (hàng hóa vận chuyển bằng container) hoặc số hiệu kiện hàng/lượng hàng (đối với hàng rời, hàng lỏng) trên tờ khai hải quan, trên Phiếu với thông tin trên hệ thống hoặc thông tin trên Danh sách container hàng hóa xuất khẩu có xác nhận của người khai hải quan.

c) Trường hợp hàng rời có số lượng lớn đưa vào cảng bằng các phương tiện khác nhau như ô tô, xà lan... với số lượng nhiều chuyến không thể khai trên tờ khai và Hệ thống thì căn cứ vào bản khai hàng hóa xuất khẩu do Hãng tàu/đại lý hãng tàu cung cấp theo quy định, công chức hải quan thực hiện việc rà soát, đối chiếu lượng hàng trên bản khai hàng hóa xuất khẩu với lượng hàng trên tờ khai hải quan và trên hệ thống để cập nhật lượng hàng và xác nhận trên tờ khai theo hướng dẫn tại điểm 1.2.1.3 dưới đây.

Công chức hải quan chịu trách nhiệm về các nội dung kiểm tra trên.

1.2.1.3. Nếu kết quả kiểm tra phù hợp:

a) Cập nhật và xác nhận số hiệu container qua khu vực giám sát hải quan (hàng hóa vận chuyển bằng container) hoặc số hiệu kiện hàng (nếu có), lượng hàng thuộc tờ khai hải quan qua khu vực giám sát hải quan và xác nhận trên Hệ thống e-customs (tại tiêu chí số container);

b) Ký tên, đóng dấu công chức; ghi ngày, tháng, năm và đóng dấu xác nhận “Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan” vào trang đầu tiên tờ khai, trả ngay tờ khai hải quan và Phiếu cho người khai hải quan, lưu Danh sách container hàng hóa xuất khẩu có xác nhận của người khai hải quan (nếu có).

1.2.1.4. Trường hợp thông tin đầy đủ trên hệ thống, thời gian từ khi tiếp nhận hồ sơ hải quan nêu tại điểm 1.2.1.1 trên đây cho đến khi công chức hải quan kết thúc xử lý công việc nêu tại các điểm 1.2.1.2 (trừ tiết c), điểm 1.2.1.3 trên đây là 30 (ba mươi) phút.

1.2.1.5. Trường hợp kết quả kiểm tra, đối chiếu thông tin không phù hợp hoặc hàng hóa có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì báo cáo Lãnh đạo Chi cục Hải quan quyết định kiểm tra, đối chiếu hàng hóa tại kho bãi tùy theo điều kiện, yêu cầu giám sát, kiểm tra đối với từng lô hàng.

1.2.2. Lô hàng đã làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan khác Chi cục Hải quan cửa khẩu:

1.2.2.1. Đối với các lô hàng không kiểm tra thực tế tại các Chi cục Hải quan khác, không có Biên bản bàn giao: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 1.2.1. khoản 1 Điều này.

1.2.2.2. Đối với các lô hàng đã kiểm tra thực tế tại Chi cục Hải quan khác và có biên bản bàn giao cho Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng biển, hoặc hàng hóa được quyết định miễn kiểm tra thực tế - luồng xanh, luồng vàng, nhưng vẫn có biên bản bàn giao như hàng hóa kinh doanh TNTX, quá cảnh..., công chức hải quan giám sát kiểm tra, đối chiếu thông tin về số lượng container, số hiệu container (hàng hóa vận chuyển bằng container) hoặc số hiệu kiện hàng (nếu có)/lượng hàng và/hoặc số hiệu phương tiện chứa hàng (đối với hàng rời, hàng lỏng), kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan.

a) Nếu kết quả phù hợp thì:

- Ký tên, đóng dấu, xác nhận vào Biên bản bàn giao đối với lô hàng xuất khẩu chuyên cửa khẩu (nếu có).

- Thực hiện các công việc nêu tại điểm 1.2.1 Khoản 1 Điều này.

b) Nếu kết quả không phù hợp thì từ chối xác nhận vào Biên bản bàn giao và xử lý vi phạm theo quy định (nếu có).

1.2.2.3. Trường hợp thông tin đầy đủ trên hệ thống, thời gian từ khi tiếp nhận hồ sơ hải quan, tiếp nhận lô hàng cho đến khi công chức hải quan kết thúc xử lý công việc nêu tại tiết a) điểm 1.2.2.2 trên đây là 02 (hai) giờ.

2. Đối với lô hàng không tập kết trong khu vực cảng nhưng tập kết tại các kho, bãi ngoài khu vực cảng có giám sát hải quan, đã hoàn thành thủ tục hải quan được đưa vào cảng để xếp lên tàu:

2.1. Tại cổng cảng:

Không thực hiện giám sát trực tiếp của công chức Hải quan. Trường hợp Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng biển đã được trang bị hệ thống giám sát bằng camera thì thực hiện giám sát theo hướng dẫn tại Quyết định số 1570/QĐ-TCHQ ngày 17/5/2013 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quy định về việc giám sát hải quan bằng hệ thống camera tại khu vực cửa khẩu cảng biển.

2.2. Thủ tục kiểm tra, xác nhận (thực hiện trước khi hàng hóa xếp lên tàu để xuất khẩu):

2.2.1. Lô hàng làm thủ tục tại Chi cục Hải quan cửa khẩu:

2.2.1.1. Công chức hải quan tiếp nhận hồ sơ do người khai hải quan nộp, xuất trình gồm:

- Tờ khai hải quan;
- Chứng từ giao nhận hàng hóa giữa doanh nghiệp kinh doanh kho bãi ngoài khu vực cảng với người khai về việc tiếp nhận lô hàng hạ bãi ngoài khu vực cảng, trong đó gồm các thông tin số, ngày, tháng, năm tờ khai hải quan; số lượng container; số hiệu container ...
- Danh sách container hàng hóa xuất khẩu có xác nhận của người khai hải quan trong trường hợp tại thời điểm khai báo người khai không có số container hoặc không khai báo bổ sung được số container trên hệ thống; hoặc trường hợp thay đổi số container đã khai báo trên tờ khai hải quan.

2.2.1.2. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra số hiệu, ngày, tháng, năm tờ khai hải quan; hiệu lực của tờ khai trên hệ thống. Nếu trên hệ thống không có tờ khai, hoặc tờ khai chưa được hoàn thành thủ tục hải quan thì từ chối xác nhận hồ sơ. Nếu tờ khai có trên hệ thống và đã được hoàn thành thủ tục hải quan thì thực hiện tiếp tiết b) dưới đây.

b) Kiểm tra thông tin về số lượng container, số hiệu container (hàng hóa vận chuyển bằng container) hoặc số hiệu kiện hàng, lượng hàng (đối với hàng rời, hàng lỏng) trên Tờ khai hải quan, trên chứng từ giao nhận hàng hóa giữa doanh nghiệp kinh doanh kho bãi ngoài khu vực cảng với người khai về việc tiếp nhận lô hàng hạ bãi ngoài khu vực cảng, trên danh sách container (nếu có) với thông tin trên hệ thống;

Công chức hải quan chịu trách nhiệm về các nội dung kiểm tra trên.

2.2.1.3. Nếu kết quả kiểm tra phù hợp:

a) Cập nhật và xác nhận số hiệu container qua khu vực giám sát hải quan (hàng hóa vận chuyển bằng container) hoặc số hiệu kiện hàng (nếu có), lượng hàng thuộc tờ khai hải quan qua khu vực giám sát hải quan và xác nhận trên Hệ thống e-customs (tại tiêu chí số container);

b) Ký tên, đóng dấu công chức; ghi ngày, tháng, năm và đóng dấu xác nhận “Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan” vào trang đầu tiên tờ khai, vào chứng từ giao nhận hàng hóa; trả

ngay tờ khai hải quan và chứng từ giao nhận hàng hóa cho người khai hải quan hoặc người vận chuyển; lưu Danh sách container hàng hóa xuất khẩu có xác nhận của người khai hải quan (nếu có).

2.2.1.4. Nếu tại kho, bãi ngoài khu vực cảng đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin được nối mạng thì nội dung nêu tại điểm 2.2.1.2 và 2.2.1.3 do công chức hải quan giám sát kho, bãi ngoài cảng thực hiện. Nếu tại kho, bãi ngoài khu vực cảng chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin được nối mạng thì nội dung nêu tại điểm 2.2.1.2 và 2.2.1.3 do công chức hải quan giám sát kho, bãi trong khu vực cảng thực hiện.

2.2.1.5. Giao Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố căn cứ quy định hiện hành về giám sát hải quan để quy định cụ thể nhiệm vụ giám sát, bàn giao công tác giám sát giữa Hải quan giám sát kho, bãi ngoài cảng với Hải quan giám sát trong khu vực cảng.

2.2.1.6. Trường hợp thông tin đầy đủ trên hệ thống, thời gian từ khi tiếp nhận hồ sơ hải quan nêu tại điểm 2.2.1.1 trên đây cho đến khi công chức hải quan kết thúc xử lý công việc nêu tại các điểm 2.2.1.2, điểm 2.2.1.3 trên đây là 60 (sáu mươi) phút.

2.2.1.7. Trường hợp kết quả kiểm tra, đối chiếu thông tin không phù hợp hoặc hàng hóa có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì báo cáo Lãnh đạo Chi cục Hải quan quyết định kiểm tra, đối chiếu hàng hóa tại kho bãi tùy theo điều kiện, yêu cầu giám sát, kiểm tra đối với từng lô hàng.

2.2.2. Lô hàng đã làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan khác Chi cục Hải quan cửa khẩu:

2.2.2.1. Đối với các lô hàng không kiểm tra thực tế tại các Chi cục Hải quan khác, không có Biên bản bàn giao: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2.2.1. khoản 1 Điều này.

2.2.2.2. Đối với các lô hàng đã kiểm tra thực tế tại Chi cục Hải quan khác và có biên bản bàn giao cho Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng biển, hoặc hàng hóa được quyết định miễn kiểm tra thực tế - luồng xanh, luồng vàng, nhưng vẫn có biên bản bàn giao như hàng hóa kinh doanh TNTX, quá cảnh..., công chức hải quan giám sát kiểm tra, đối chiếu thông tin về số lượng container, số hiệu container (hàng hóa vận chuyển bằng container) hoặc số hiệu kiện hàng (nếu có)/lượng hàng và/hoặc số hiệu phương tiện chứa hàng (đối với hàng rời, hàng lỏng), kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan.

a) Nếu kết quả phù hợp thì:

- Ký tên, đóng dấu, xác nhận vào Biên bản bàn giao đối với lô hàng xuất khẩu chuyển cửa khẩu (nếu có).

- Thực hiện các công việc nêu tại điểm 2.2.1 Khoản 2 Điều này.

b) Nếu kết quả không phù hợp thì từ chối xác nhận vào Biên bản bàn giao và xử lý vi phạm theo quy định (nếu có).

2.2.2.3. Trường hợp thông tin đầy đủ trên hệ thống, thời gian từ khi tiếp nhận hồ sơ hải quan, tiếp nhận lô hàng cho đến khi công chức hải quan kết thúc xử lý công việc nêu tại tiết a) điểm 2.2.2.2 trên đây là 02 (hai) giờ.

3. Giám sát trực tiếp và kiểm tra thực tế hàng hóa:

Trên cơ sở phân tích thông tin, đánh giá việc chấp hành pháp luật của chủ hàng, mức độ rủi ro về vi phạm pháp luật hải quan, các thông tin khác thu thập được trong thời gian và tại địa điểm hàng hóa xuất khẩu có rủi ro cao là đối tượng giám sát hải quan theo quy định, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định và chỉ đạo giám sát trực tiếp của công chức. Trường hợp cần thiết nếu đủ cơ sở khẳng định hàng hóa buôn lậu, gian lận thương mại thì yêu cầu người khai hải quan xuất trình hàng hóa để kiểm tra thực tế. Việc xử lý vi phạm (nếu có) thực hiện theo quy định.

4. Xử lý khi hệ thống gặp sự cố:

Trường hợp hệ thống gặp sự cố, công chức hải quan không tra cứu, kiểm tra được thông tin trên hệ thống theo hướng dẫn tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, việc xử lý thực hiện như sau:

4.1. Nếu không tra cứu, kiểm tra được thông tin trên hệ thống ecustoms thì công chức tra cứu, kiểm tra thông tin trên hệ thống VNACCS;

4.2. Nếu không tra cứu, kiểm tra được thông tin trên hệ thống VNACCS thì vẫn cho phép hàng hóa xuất khẩu. Việc xác nhận hàng qua khu vực giám sát hải quan, xác nhận trên tờ khai hải quan được thực hiện ngay sau khi hệ thống được phục hồi. Nội dung công việc theo hướng dẫn tại điểm 2.2, khoản 2 Điều này.

5. Kiểm tra thông tin manifest:

Lãnh đạo Chi cục Hải quan trên cơ sở thông tin quản lý rủi ro về hàng hóa xuất khẩu, về người khai hải quan và các thông tin khác để quyết định việc rà soát, so sánh, đối chiếu thông tin xác nhận hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan với thông tin manifest hàng hóa xuất khẩu. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật thì thực hiện xác minh làm rõ và xử lý vi phạm theo quy định (nếu có).

MỤC II. GIÁM SÁT HÀNG HÓA NHẬP KHẨU ĐƯA VÀO, ĐƯA RA KHU VỰC CẢNG

Điều 9. Hàng hóa nhập khẩu đưa vào, đưa ra khu vực cảng.

1. Hàng hóa nhập khẩu đưa vào khu vực cảng bao gồm hàng hóa đưa vào cảng để làm thủ tục nhập khẩu, hoặc để làm thủ tục vận chuyển chịu sự giám sát hải quan.

2. Hàng hóa đưa ra khu vực cảng là hàng hóa có xác nhận của Chi cục Hải quan đã hoàn thành thủ tục hải quan, được giải phóng hàng, được đưa về bảo quản, đưa về địa điểm kiểm tra

ngoài cửa khẩu, vận chuyển chịu sự giám sát hải quan. Hàng hóa đưa ra khu vực cảng bằng đường bộ qua cổng cảng, hoặc đường sắt, hoặc đường thủy (tàu, xà lan...).

Điều 10. Trình tự thủ tục giám sát.

1. Trường hợp phải giám sát:

1.1. Việc xếp dỡ hàng hóa nhập khẩu, Hải quan chỉ thực hiện giám sát trực tiếp của công chức đối với tàu trọng điểm, hàng hóa xếp/dỡ từ tàu trọng điểm.

1.2. Hàng hóa tập kết vào kho, bãi cảng thì thực hiện giám sát bằng camera (nếu có).

1.3. Hàng hóa đưa ra khỏi cảng có giám sát trực tiếp của công chức hải quan tại cổng cảng, hoặc kết hợp với bảo vệ cổng cảng theo Quy chế phối hợp với doanh nghiệp kinh doanh cảng, và/hoặc có thể kết hợp giám sát đồng thời bằng camera đối với nơi đã được trang bị.

2. Thủ tục kiểm tra, xác nhận:

2.1. Đối với lô hàng làm thủ tục nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cảng:

2.1.1. Công chức hải quan tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ gồm:

- Tờ khai hải quan;
- Danh sách container/danh sách hàng lẻ, hàng rời thuộc tờ khai hải quan trong trường hợp người khai không khai báo khi đăng ký tờ khai nhập khẩu;

- Phiếu.

2.1.2. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra số, ngày, tháng, năm tờ khai hải quan; hiệu lực của tờ khai trên hệ thống hoặc xác nhận của Chi cục Hải quan đối với hàng hóa đưa ra khu vực cảng nêu tại khoản 2, Điều 9 Quy định này. Nếu trên hệ thống không có tờ khai, hoặc tờ khai chưa được hoàn thành thủ tục hải quan, hoặc chưa có xác nhận của Chi cục Hải quan thì từ chối xác nhận hồ sơ. Nếu trên hệ thống có tờ khai xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan, hoặc có xác nhận của Chi cục Hải quan thì thực hiện tiếp điểm b dưới đây.

b) Kiểm tra thông tin về số lượng container, số hiệu container (hàng hóa vận chuyển bằng container) hoặc số hiệu kiện hàng, lượng hàng hoặc số hiệu phương tiện chứa hàng (đối với hàng rời, hàng lỏng) trên Tờ khai hải quan, trên Phiếu với thông tin trên hệ thống.

Công chức hải quan chịu trách nhiệm về các nội dung kiểm tra trên.

2.1.3. Nếu kết quả kiểm tra phù hợp:

a) Cập nhật số hiệu container qua khu vực giám sát hải quan (hàng hóa vận chuyển bằng container) hoặc số lượng kiện hàng hoặc số hiệu phương tiện chứa hàng thuộc tờ khai hải quan qua khu vực giám sát hải quan trên Hệ thống e-customs (tại tiêu chí số container);

- Ký tên, đóng dấu công chức vào:

+ Trang đầu tiên tờ khai.

+ Phiếu đề người khai hải quan xuất trình cho bảo vệ cổng cảng khi đưa hàng ra khỏi cảng bằng đường bộ, hoặc cho công chức giám sát khi đưa hàng ra khỏi cảng bằng đường sắt, đường thủy.

- Ghi ngày, tháng, năm và đóng dấu xác nhận “Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan” lên trang đầu tiên tờ khai.

b) Trả ngay hồ sơ cho người khai hải quan.

2.1.4. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan thì báo cáo Lãnh đạo Chi cục yêu cầu người khai hải quan/người vận chuyển xuất trình lô hàng để kiểm tra đối chiếu tại kho bãi tùy theo điều kiện, yêu cầu giám sát, kiểm tra đối với từng lô hàng.

2.2. Đối với lô hàng vận chuyển độc lập chịu sự giám sát hải quan:

Thực hiện các công việc theo hướng dẫn tại bước 4 Khoản I, Mục 1, Phần VIII Quyết định số 988/QĐ-TCHQ ngày 28/03/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

3. Xác nhận hàng đã qua khu vực giám sát hải quan:

3.1. Đối với hàng hóa được ra khu vực giám sát bằng đường bộ:

3.1.1. Khi hàng hóa đưa ra cổng cảng, công chức Giám sát cổng cảng thực hiện:

a) Kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan (nếu có). Nếu phát hiện niêm phong đã bị phá vỡ, thay đổi thì không cho hàng hóa ra cổng, báo cáo Lãnh đạo Đội, Lãnh đạo Chi cục xác minh làm rõ và xử lý vi phạm theo quy định.

b) Đối với hàng hóa chuyên chở bằng container:

Kiểm tra thực tế số hiệu container, nếu phù hợp với số hiệu container trên hệ thống thì tích (v) vào ô “Xác nhận container/kiện hàng đưa ra cổng cảng”. Nếu số hiệu container không nằm trong danh sách thì không cho hàng hóa đưa ra khu vực giám sát, báo cáo Lãnh đạo Đội, Lãnh đạo Chi cục Hải quan xác minh làm rõ.

c) Đối với hàng lẻ, hàng lỏng:

Công chức hải quan giám sát công cảng theo dõi, trừ lùi lượng hàng từng lần được đưa ra khu vực giám sát, khi hết số lượng thuộc tờ khai hải quan thì xác nhận, tích (v) vào ô “Xác nhận container/kiện hàng đưa ra công cảng” trên hệ thống.

3.1.2. Trường hợp Chi cục Hải quan cảng biển đã ký Quy chế phối hợp với Doanh nghiệp kinh doanh cảng, trong đó có nội dung phối hợp để kiểm soát hàng hóa nhập khẩu đưa ra địa bàn giám sát hải quan thì nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hàng hóa tại công cảng nêu tại điểm 3.1.1 khoản 3 Điều này do bảo vệ công cảng thực hiện theo nguyên tắc:

a) Chi cục Hải quan cử cán bộ phối hợp kiểm tra, xử lý các vướng mắc (nếu có);

b) Sử dụng phần mềm quản lý hàng hóa của Doanh nghiệp kinh doanh cảng để kiểm tra, giám sát hàng hóa nhập khẩu đưa ra địa bàn giám sát hải quan. Nếu Doanh nghiệp kinh doanh cảng không có phần mềm, hoặc có phần mềm nhưng không đáp ứng được yêu cầu quản lý thì chia sẻ giao diện xác nhận container/kiện hàng/lượng hàng đưa ra khu vực giám sát cho bảo vệ công cảng để thực hiện các công việc nêu tại điểm 3.1.1 khoản 3 Điều này trên cơ sở đảm bảo an toàn, an ninh hệ thống.

c) Giao Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố thường xuyên tổ chức kiểm tra nội dung nêu tại điểm 3.1.2 khoản 3 Điều này, đảm bảo yêu cầu công tác giám sát hải quan tại Chi cục Hải quan cảng biển.

3.2. Đối với hàng hóa được đưa ra khu vực giám sát bằng đường thủy, đường sắt:

3.2.1. Hàng hóa được đưa ra khu vực giám sát bằng đường thủy, đường sắt chịu sự giám sát trực tiếp của công chức hải quan tại địa điểm nơi hàng hóa được đưa ra khu vực giám sát.

3.2.2. Công chức hải quan giám sát kiểm tra Phiếu có xác nhận của công chức văn phòng giám sát về số lượng container, số hiệu container hoặc số hiệu kiện hàng (nếu có), lượng hàng (hàng lẻ, hàng lóng) với thực tế hàng hóa đưa ra cảng. Nếu phù hợp thì thực hiện giám sát trực tiếp khi hàng hóa được đưa ra khỏi cảng. Sau khi hàng hóa được đưa ra cảng, công chức hải quan ký, xác nhận, ghi ngày, tháng, năm hàng hóa đưa ra khỏi cảng và Phiếu; chuyển Phiếu cho bộ phận văn phòng giám sát. Nếu không phù hợp thì không cho phép đưa hàng hóa ra khỏi cảng.

Lãnh đạo Chi cục Hải quan trên cơ sở thông tin quản lý rủi ro về hàng hóa nhập khẩu, về người khai hải quan và các thông tin khác để quyết định giám sát trực tiếp của công chức khi hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy.

3.2.3. Ngay sau khi tiếp nhận Phiếu từ công chức giám sát trực tiếp xác nhận hàng hóa được đưa ra cảng bằng đường thủy, đường sắt, công chức bộ phận văn phòng giám sát sử dụng chức năng xác nhận container/kiện hàng/lượng hàng ra khỏi khu vực giám sát để thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 3.1.1. khoản 3 Điều này.

4. Xử lý khi hệ thống gặp sự cố:

Trường hợp hệ thống gặp sự cố, công chức hải quan không tra cứu, kiểm tra được thông tin trên hệ thống theo hướng dẫn tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, việc xử lý thực hiện như sau:

4.1. Nếu không tra cứu, kiểm tra được thông tin trên hệ thống ecustoms thì công chức tra cứu, kiểm tra thông tin trên hệ thống VNACCS;

4.2. Nếu không tra cứu, kiểm tra được thông tin trên hệ thống VNACCS thì công chức văn phòng đội giám sát đề nghị người khai xuất trình Lệnh giao hàng (D/O) và bản sao vận tải đơn của lô hàng; kiểm tra thông tin về số hiệu, số lượng cont hoặc số lượng kiện hàng trên Lệnh giao hàng (D/O) và bản sao vận tải đơn với thông tin tương ứng trên tờ khai hải quan có xác nhận của Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai hải quan:

4.2.1. Nếu có thông tin từ Lãnh đạo hoặc thông tin kiểm tra không phù hợp thì báo cáo Lãnh đạo Chi cục yêu cầu người khai hải quan/người vận chuyển xuất trình lô hàng để kiểm tra đối chiếu tại kho bãi tùy theo điều kiện, yêu cầu giám sát, kiểm tra đối với từng lô hàng.

4.2.2. Nếu kết quả kiểm tra phù hợp:

a) Ký tên, đóng dấu công chức vào:

- Trang đầu tiên tờ khai.
- Phiếu đề người khai hải quan xuất trình cho giám sát cổng cảng và bảo vệ cổng cảng khi đưa hàng ra khỏi cảng.
- Xác nhận “hàng đã qua khu vực giám sát hải quan” lên trang đầu tiên tờ khai.

b) Trả lại chứng từ do người khai hải quan xuất trình.

4.2.3. Công chức giám sát cổng cảng, hoặc bảo vệ cổng cảng (trong trường hợp đã ký Quy chế phối hợp nêu tại điểm 3.1.2 trên đây) căn cứ Phiếu có xác nhận của công chức giám sát để kiểm tra thực tế số hiệu, số lượng container hoặc số hiệu kiện hàng hoặc số hiệu phương tiện chứa hàng thực tế đưa ra khỏi cảng để cho phép hàng đưa ra cảng.

4.2.4. Khi hệ thống được phục hồi, công chức giám sát cập nhật, xác nhận thông tin về giám sát hải quan trên hệ thống theo quy định.

MỤC III. GIÁM SÁT HÀNG HÓA ĐƯA RA CẢNG TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ

Điều 11. Giám sát đối với lô hàng xuất khẩu nhưng bị trả lại.

1. Đối với lô hàng đã xuất khẩu nhưng bị trả lại:

Thực hiện việc giám sát như một lô hàng nhập khẩu nêu tại Điều 9, Điều 10 Quy định này;

2. Đối với lô hàng đã làm xong thủ tục xuất khẩu nhưng không xuất khẩu:

2.1. Trên cơ sở đề nghị của người khai hải quan được Lãnh đạo Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai xuất khẩu và Lãnh đạo Chi cục Hải quan cảng biên chấp thuận và quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền (nếu có), công chức Văn phòng Đội giám sát nhập máy theo dõi trên Hệ thống;

2.2. Bộ phận giám sát công cảng căn cứ vào đề nghị của người khai hải quan được Lãnh đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng xác nhận để giám sát lô hàng đưa ra khỏi cảng.

Điều 12. Giám sát đối với lô hàng xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan đang nằm trong địa bàn giám sát tại 01 cảng nhưng người khai hải quan đề nghị chuyển sang cửa khẩu khác để xuất khẩu.

Thực hiện theo hướng dẫn riêng của Tổng cục Hải quan.

Điều 13. Giám sát đối với lô hàng xuất khẩu đã đưa vào khu vực cảng, chưa làm thủ tục hải quan được đề nghị đưa ra khỏi cảng.

1. Trên cơ sở văn bản đề nghị của người khai hải quan được doanh nghiệp kinh doanh cảng xác nhận lô hàng đề nghị đưa ra khỏi cảng là lô hàng xuất khẩu đưa vào khu vực cảng chưa làm thủ tục hải quan, không phải là lô hàng nhập khẩu, Lãnh đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng phê duyệt vào văn bản đề nghị của người khai hải quan.

2. Bộ phận giám sát công cảng căn cứ văn bản đề nghị của người khai hải quan đã được Lãnh đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng phê duyệt để giám sát lô hàng khi đưa ra khỏi cảng.

Điều 14. Giám sát đối với lô hàng nhập khẩu chưa làm thủ tục hải quan, đang nằm trong khu vực cảng được đề nghị tái xuất.

1. Các trường hợp lô hàng nhập khẩu chưa làm thủ tục hải quan, đang nằm trong khu vực cảng được đề nghị tái xuất bao gồm:

1.1. Hàng gửi nhầm lẫn, hàng thất lạc: Người vận tải có văn bản gửi Chi cục Hải quan cảng, nêu lý do nhầm lẫn, thất lạc, đề nghị được tái xuất. Trong văn bản nêu rõ số vận tải đơn, bản khai hàng hóa nhập khẩu, dự kiến thời gian xuất, cửa khẩu xuất, phương tiện vận tải xuất...

1.2. Hàng nhập khẩu nhưng chủ hàng có văn bản không nhận hàng, đề nghị được tái xuất. Trong văn bản gửi Chi cục Hải quan cảng phải nêu rõ lý do không nhận hàng đề nghị được tái xuất, nêu rõ số vận tải đơn, bản khai hàng hóa nhập khẩu, dự kiến thời gian xuất, cửa khẩu xuất, phương tiện vận tải xuất...

2. Thủ tục kiểm tra, giám sát hải quan tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng nơi hàng hóa nhập khẩu:

2.1. Trên cơ sở văn bản đề nghị của người vận tải/chủ hàng, Lãnh đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng thực hiện:

2.1.1. Chỉ đạo Đội/Tổ Giám sát tiếp nhận hồ sơ lô hàng;

2.1.2. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan thì chỉ đạo Đội/Tổ Giám sát phối hợp với Tổ kiểm soát của Chi cục Hải quan và các cơ quan chức năng (nếu có) kiểm tra thực tế toàn bộ lô hàng;

Nếu kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa phù hợp với nội dung trên bản khai hàng hóa, vận tải đơn và không có thông tin khác thì xem xét chấp thuận đề nghị tái xuất lô hàng. Nếu kết quả kiểm tra không đúng với nội dung trên bản khai hàng hóa, vận tải đơn, hoặc có thông tin khẳng định lô hàng có vi phạm thì xử lý theo quy định.

2.2. Nhiệm vụ của Đội/Tổ Giám sát:

2.2.1. Tiếp nhận hồ sơ lô hàng, phối hợp với Tổ kiểm soát của Chi cục Hải quan và các cơ quan chức năng (nếu có) kiểm tra thực tế toàn bộ lô hàng (nếu có), cụ thể:

a) Phối hợp với Đội kiểm soát của Cục Hải quan tỉnh, thành phố; trường hợp cần thiết phối hợp với Đại diện Cục Điều tra Chống buôn lậu - Tổng cục Hải quan;

b) Nếu lô hàng có ảnh hưởng đến kiểm dịch động - thực vật, môi trường, sức khỏe cộng đồng... thì phối hợp với cơ quan kiểm dịch, môi trường, y tế...;

c) Việc kiểm tra thực tế hàng hóa phải có chứng kiến của người vận tải/người khai hải quan hoặc người được ủy quyền hợp pháp.

2.2.2. Niêm phong lô hàng khi kết thúc kiểm tra. Kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa được lập thành biên bản có xác nhận của các bên tham gia. Đội/Tổ Giám sát báo cáo Lãnh đạo Chi cục kết quả kiểm tra để xử lý theo hướng dẫn tại điểm 2.1.2 Khoản 2 Điều này.

2.2.3. Thực hiện giám sát lô hàng cho đến khi hàng được xếp lên tàu tái xuất đối với lô hàng không có vi phạm được tái xuất tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng.

2.2.4. Mở sổ theo dõi toàn bộ quá trình xử lý lô hàng, lưu hồ sơ theo quy định.

3. Trường hợp lô hàng được tái xuất tại cửa khẩu khác:

3.1. Tại Chi cục Hải quan nơi hàng hóa nhập khẩu:

3.1.1. Thực hiện các công việc theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều này (trừ điểm 2.2.3).

3.1.2. Lập 02 biên bản bàn giao gồm các tiêu chí: Tên người vận tải/người khai hải quan; số lượng, ký hiệu container; tình trạng niêm phong hải quan; số vận tải đơn, bản khai hàng hóa;

thời gian dự kiến xuất, phương tiện vận tải xuất...; công chức ký tên, đóng dấu xác nhận trên biên bản bàn giao. Lưu 01 bản, gửi tới Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất 01 bản.

3.1.3. Niêm phong bộ hồ sơ, gồm 01 Biên bản bàn giao và 01 bản sao các giấy tờ: Văn bản đề nghị của người vận tải/người khai hải quan có ý kiến chấp thuận của Lãnh đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng; Biên bản chứng nhận kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa; Vận tải đơn, bản khai hàng hóa (bản trích liên quan đến lô hàng); Giao bộ hồ sơ cho người vận tải/người khai hải quan chuyển đến Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất.

3.1.4. Thực hiện giám sát lô hàng khi đưa ra khu vực giám sát hải quan.

3.2. Tại Chi cục Hải quan nơi hàng hóa xuất khẩu:

3.1.1. Tiếp nhận hồ sơ lô hàng, kiểm tra niêm phong hồ sơ;

3.2.2. Kiểm tra tình trạng bên ngoài lô hàng, của niêm phong hải quan, đối chiếu với thông tin trên Biên bản bàn giao do Chi cục Hải quan nơi hàng nhập khẩu chuyển đến:

a) Nếu phù hợp thì:

a1. Công chức hải quan ký tên, đóng dấu xác nhận trên Biên bản bàn giao và hồi báo (fax) cho Chi cục Hải quan nơi hàng nhập khẩu;

a2. Thực hiện giám sát cho đến khi lô hàng được thực xuất.

b) Nếu không phù hợp thì lập biên bản và xử lý theo quy định.

3.2.3. Nhập thông tin vào hệ thống và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

MỤC IV. GIÁM SÁT HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CHUNG CONTAINER; CONTAINER RỎNG ĐƯA VÀO, ĐƯA RA KHU VỰC CẢNG

Điều 15. Đối với hàng xuất khẩu của nhiều chủ hàng đóng chung container.

Việc đóng ghép chung container trong khu vực cảng đối với hàng xuất khẩu của nhiều chủ hàng đã làm thủ tục hải quan thì Chi cục Hải quan cảng thực hiện giám sát bằng camera (nếu có). Trường hợp cần bố trí công chức hải quan giám sát trực tiếp thì Lãnh đạo Chi cục xem xét quyết định.

Điều 16. Đối với hàng nhập khẩu của nhiều chủ hàng đóng chung container.

Việc khai thác hàng hóa nhập khẩu của nhiều chủ hàng đóng chung container được thực hiện trong kho CFS dưới sự giám sát trực tiếp của cơ quan Hải quan.

Điều 17. Giám sát container rỗng là phương tiện vận chuyển để đóng hàng hóa được đưa vào, đưa ra khu vực cảng.

1. Đối với container rỗng đưa vào cảng:

1.1. Doanh nghiệp/Người vận tải vận chuyển container rỗng vào khu vực tập kết, xuất trình hồ sơ theo quy định tại Điều 54 Thông tư số 128/2013/TT-BTC kèm Phiếu trả vỏ container/Phiếu giao container tại Bộ phận văn phòng Đội giám sát, không phải làm thủ tục gì tại công cảng;

1.2. Công chức hải quan thuộc Bộ phận văn phòng đội giám sát nhập thông tin cần quản lý vào máy để theo dõi; ký tên, đóng dấu công chức vào Bản kê/văn bản giải trình do đại lý vận tải/người khai hải quan nộp theo quy định tại Điều 54 Thông tư số 128/2013/TT-BTC.

2. Đối với container rỗng đưa ra cảng:

2.1. Doanh nghiệp/Người vận tải xuất trình hồ sơ theo quy định tại Điều 54 Thông tư số 128/2013/TT-BTC kèm Phiếu mượn vỏ container/Phiếu giao container tại Bộ phận văn phòng Đội giám sát;

2.2. Bộ phận văn phòng đội giám sát nhập thông tin cần quản lý vào hệ thống để theo dõi; ký tên, đóng dấu công chức vào bản lược khai/văn bản giải trình do đại lý vận tải/người khai hải quan nộp theo quy định tại Điều 54 Thông tư số 128/2013/TT-BTC;

2.3. Khi có thông tin cảnh báo, nghi vấn, bộ phận giám sát công cảng yêu cầu người điều khiển phương tiện mở container rỗng để kiểm tra, nếu phát hiện có hàng thì lập biên bản và xử lý theo quy định.

3. Đối với các phương tiện vận chuyển hàng hóa là bồn rỗng, thùng rỗng ra khỏi cảng, bộ phận giám sát công cảng yêu cầu người điều khiển phương tiện mở bồn rỗng, thùng rỗng để kiểm tra, nếu phát hiện có chở hàng hóa chưa làm thủ tục hải quan thì lập biên bản và xử lý theo quy định.

MỤC V. GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TÀU XUẤT NHẬP CẢNH VÀO, RA KHU VỰC CẢNG

Điều 18. Giám sát đối với tàu trọng điểm.

1. Việc bố trí công chức hải quan thuộc lực lượng giám sát cơ động thực hiện giám sát trực tiếp đối với tàu nhập cảnh, xuất cảnh chỉ áp dụng đối với tàu trọng điểm có yêu cầu phải giám sát chặt chẽ trong thời gian neo đậu tại khu vực cảng do Lãnh đạo Chi cục quyết định.

2. Nhiệm vụ của công chức giám sát tàu: Ngăn ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm các quy định về đảm bảo tính nguyên trạng của hàng hóa, của tàu đang chịu sự giám sát quản lý của cơ quan Hải quan và hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; Ghi Nhật ký giám sát vào sổ theo quy định của Chi cục Hải quan cảng.

MỤC VI. GIÁM SÁT QUÁ TRÌNH XẾP, DỠ HÀNG HÓA XNK TẠI KHU VỰC CHUYỂN TẢI, SANG MẠN; GIÁM SÁT QUÁ TRÌNH XẾP DỠ HÀNG HÓA XNK TẠI KHU VỰC CẢNG

Điều 19. Giám sát quá trình xếp, dỡ hàng hóa XNK tại khu vực chuyển tải, sang mạn; giám sát quá trình xếp dỡ hàng hóa XNK tại khu vực cảng.

Căn cứ quy định tại Điều 53 Luật Hải quan, việc giám sát hải quan tại khu vực chuyển tải, sang mạn, giám sát quá trình xếp dỡ hàng hóa xuất nhập khẩu thực hiện như sau:

1. Trên cơ sở thông báo bằng văn bản của hãng tàu/đại lý hãng tàu hoặc công văn đề nghị sang mạn của doanh nghiệp xuất nhập khẩu về kế hoạch chuyển tải, sang mạn hàng hóa XNK từ tàu XNK đang trong thời gian chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan, Đội/Tổ Giám sát căn cứ vào tình hình cụ thể, các thông tin khác nắm được đề đề xuất với Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cảng biển quyết định biện pháp, phương thức giám sát trong quá trình chuyển tải, sang mạn hàng hóa XNK.

2. Trên cơ sở thông báo bằng văn bản của doanh nghiệp kinh doanh cảng về kế hoạch xếp/dỡ hàng hóa XNK đang trong thời gian chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan, Đội/Tổ Giám sát căn cứ vào tình hình cụ thể, các thông tin khác nắm được đề đề xuất với Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cảng biển quyết định biện pháp, phương thức giám sát trong quá trình xếp/dỡ hàng hóa XNK.

Phần 3.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố.

Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố có cửa khẩu cảng biển có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này; lập kế hoạch cụ thể về bố trí lực lượng, trang thiết bị giám sát, ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng Quy chế phối hợp với Doanh nghiệp kinh doanh Cảng; chủ động làm việc với Cảng vụ và Doanh nghiệp kinh doanh Cảng để sắp xếp lại khu vực tập kết hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và khu vực neo đậu tàu XNK trong khu vực cảng theo Chỉ thị số 1819/CT-TCHQ ngày 15/9/2009 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc chấn chỉnh công tác giám sát, quản lý hải quan đối với hàng hóa XNK tại các cảng biển quốc tế.

Trường hợp có các hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh mang tính đặc thù về công tác giám sát hải quan tại địa bàn quản lý của đơn vị mình, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố dự thảo văn bản hướng dẫn thực hiện, trình Lãnh đạo Tổng cục Hải quan phê duyệt trước khi ban hành.

Điều 21. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan.

Giao Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan, Ban Quản lý rủi ro chủ trì, phối hợp với Cục Giám sát quản lý về hải quan, Cục Điều tra chống buôn lậu, Vụ Tài vụ quản trị, Cục Hải quan tỉnh, thành phố có cửa khẩu cảng biển:

1. Tổ chức áp dụng quản lý rủi ro, ứng dụng công nghệ thông tin và trang thiết bị kỹ thuật để thực hiện giám sát hải quan tại khu vực cửa khẩu cảng biển có hiệu quả thiết thực;
2. Xây dựng hệ thống phần mềm công nghệ thông tin đáp ứng được yêu cầu nghiệp vụ tại Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh vượt thẩm quyền, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố báo cáo kịp thời về Tổng cục Hải quan để được hướng dẫn giải quyết./.

